

KÝ SỰ - VỀ THĂM QUÊ HƯƠNG

Thay lời khai bút đầu năm

Tôn Thất Thông

Sau nhiều năm gián đoạn hậu Covid, vợ chồng chúng tôi quyết định về thăm gia đình, bà con, bạn bè, nhân tiện quan sát một chút về sự phát triển xã hội Việt Nam như thế nào. Trên báo chí tôi thường gặp những tin tức về kinh tế, về GDP, về thu nhập đầu người, về những tòa cao ốc, những đô thị mới, những đường cao tốc. Nhưng tôi muốn xem đằng sau vỏ bọc ấy, con người sống và nghĩ như thế nào. Mảnh đất hình chữ S này là nơi tôi đã sống những tháng ngày ấu thơ êm đềm, rồi đến khoảng thời gian mà tuổi thanh niên của tôi đã trải qua nhiều sóng gió cuộc đời, và đó cũng là những ngày tháng dữ dội của tuổi trẻ. Cho dù đã chứng kiến nhiều biến đổi bề dẫu, nhưng tôi vẫn lạc quan định hướng tương lai cho mình với những hoài bão đẹp đẽ đầy hào quang, cứ nghĩ rằng, bàn tay mình sẽ có cơ hội góp phần tham gia vào việc xây dựng một xã hội tốt đẹp, mang lại chút ít hạnh phúc cho mọi người, và trước hết là chút ít ấm no cho người thân trong gia đình.

Chuyến phi cơ khởi hành từ Frankfurt trong một buổi chiều cuối đông, thời tiết bắt đầu se lạnh, và trên không có vài đám mây hiếm hoi, lững lờ như chờ đợi ai. Từ trên cao nhìn xuống khu ngoại vi Frankfurt ẩn hiện dưới vài đám mây lằng đằng, không gian trông yên bình đến kỳ lạ, lòng tôi thầm mong sẽ được nhìn lại Saigon trong tâm thái bình an đó.



Doha, trạm dừng chân đầu tiên

Sau sáu giờ bay, chúng tôi tạm dừng chân ba ngày ở Doha, không phải vì thành phố đó là nơi đáng sống, đáng xem. Không phải thế! Qua truyền thông đại chúng hàng ngày, tôi biết Doha là nơi hội tụ của hàng triệu lao động nhập cư, nhất là lao động tay chân không có nghề nghiệp chuyên môn từ các xứ nghèo. Họ đến đây để chạy trốn nghèo đói ở quê nhà, và hy vọng sau vài năm, có thể thu vén một số tiền tiết kiệm nhờ đồng lương gấp đôi ở xứ sở của họ. Với 300 US\$ mỗi tháng, đồng lương quả đúng là gấp đôi ở quê nhà, nhưng họ phải chấp nhận số phận đen bạc của những người nhập cư tay trắng, không được luật pháp bảo vệ, không đủ sức mạnh để đối đầu với những người chủ tàn nhẫn, bóc lột thợ đến tận xương tủy, và được bảo kê bởi các cơ quan chính quyền.

Chúng tôi dừng chân vài ngày ở Doha, đơn giản vì đó là trạm trung chuyển của hãng máy bay Qatar Airways trên đường từ Frankfurt về Saigon, cho nên chúng tôi mua thêm gói Stopover vài ngày để nghỉ ngơi, để làm quen với múi giờ mới, để cơ thể quen dần với chu kỳ sinh học mới, để giữ tâm thái yên bình khi trở về Saigon gặp lại người thân. Ngoài ra, tôi cũng có chút tò mò tự hỏi, một đất nước mà độ chênh lệch khủng khiếp về lương hàng tháng của người làm công – từ 300 US\$ đến 20.000 US\$ – làm sao có thể phát triển được mà không đối mặt với xung khắc xã hội?

Cũng không bỏ công một chuyến đi ngắn ngủi, mà qua đó tôi được biết nhiều chuyện hơn mình nghĩ. Trước đây vài ngàn năm, Qatar là một vùng đất trù phú nhiều cây xanh, vùng đất hứa của những bộ lạc sa mạc. Nhưng qua thời gian, vì nước ngọt không vươn đến Qatar, vùng đất này trở nên khô cằn, không người sinh sống. Mãi đến cuối thế kỷ 18, một vài gia tộc lớn thuộc các bộ lạc quanh đó mới tập hợp lại, di chuyển về bán đảo mà hôm nay gọi là Qatar, sinh sống bằng nghề đánh cá và buôn bán với những thương nhân đường biển xuyên lục địa. Điều gọi là quốc gia Qatar có thể xem như bắt đầu từ năm 1822, sau khi gia tộc Al Thani nắm quyền cai trị độc tôn trên mảnh đất 10.000 cây số vuông. Cư dân lúc đó không quá 500 người cũng dần dần tăng lên 12.000 sau một thế kỷ, nhưng trên bước đường phát triển đó, họ phải đối mặt với sự tranh giành ảnh hưởng của các đế chế Ba Tư, Ả Rập, Ottoman và cuối cùng rơi vào tay người Anh sau Thế chiến thứ nhất, khi đế chế Ottoman hoàn toàn tan rã.



Bước ngoặt đầu tiên của lịch sử là năm 1939, khi mỏ dầu đầu tiên được khám phá trong vùng biển chủ quyền của Qatar thuộc Anh. Sự kiện này biến Qatar thành nơi giao lưu buôn bán với thế giới bên ngoài, tạo điều kiện để Qatar nâng cao mức sống người dân và họ dần dần cải tiến bộ máy hành chính để phù hợp với môi trường kinh doanh mới. Tuy nhiên, dưới chế độ cai trị của Anh, phần lớn lượng dầu khai thác được đem về mẫu quốc để dùng cho quân đội Anh, khi Thế chiến thứ hai bắt đầu đi vào giai đoạn khốc liệt. Người dân Qatar chỉ hưởng được một phần rất nhỏ sự phồn vinh phát sinh từ dầu mỏ, mà đúng ra, tất cả đều thuộc quyền sở hữu của họ.

Điểm uốn quan trọng nhất là sự tuyên bố độc lập năm 1971. Qatar thoát ra khỏi vòng đô hộ của đế chế Anh sau 50 năm thuộc địa. Và may mắn thay, chỉ sau hai năm, Qatar tìm thấy mỏ khí đốt lớn nhất thế giới. Nhờ thế, và cho đến bây giờ, Qatar có thể chiếm 13% thị phần khí đốt toàn cầu. Trong 50 năm qua, với nguồn thu nhập từ khí đốt và dầu lửa, người ta chứng kiến một sự phát triển vô tiền khoáng hậu trên mảnh đất nhỏ bé đó. Dân cư từ 60.000 người vào năm 1960, giờ đây đã lên đến 3,6 triệu, trong đó người bản địa Qatar chỉ chiếm dưới 400 ngàn người, tức 10% tổng dân số. Mọi sự phát triển chủ yếu đều do bàn tay của lao động nhập cư tạo ra. Thu nhập bình quân đầu người mỗi năm hiện nay là 130.000 US\$ không đóng thuế, hơn cả Mỹ, hơn Canada, hơn Thụy Sĩ, hơn hầu hết các nước châu Âu. Nếu chú ý đến rất nhiều lao động nhập cư với thu nhập đầu người dưới 5.000 US\$ mỗi năm, thì người bản địa Qatar có thu nhập thực tế hàng năm cao hơn nhiều, so với con số thống kê ở trên. Quả đúng là một dân tộc may mắn bậc nhất của thế kỷ 20.



Trở lại câu hỏi hóc búa ở trên: Mặc dù chênh lệch giàu nghèo khó lòng tưởng tượng, làm sao mà xung đột xã hội không hề xảy ra? Chúng ta không nhìn vào những ông hoàng khí đốt và những doanh nhân thành đạt, những người có thu nhập lên đến mức khó lòng tưởng tượng, mà hãy quan tâm đến giới lao động ăn lương tháng. Nếu người thợ xây dựng cấp thấp lãnh 300 US\$ mỗi tháng, thì cũng có những quan chức nhà nước người bản địa Qatar, hoặc chuyên gia nhập cư với kiến thức sắc sảo, lãnh lương cao ngất ngưỡng, 20.000 US\$ không phải là ngoại lệ. Nhưng cho dù sự chênh lệch quá lớn đó, xã hội vẫn hoàn toàn yên bình, an ninh, không hề thấy đình công, biểu tình, cũng không hề thấy tụ năm tụ ba phản đối. Làm sao nhà nước Qatar làm được điều đó?

Chỉ sau hai ngày, câu hỏi đó được trả lời chóng vánh, rất giản dị: nhờ luật nhập cư khắc nghiệt không nước nào có thể so sánh. Người nhập cư, từ thợ hồ đến chuyên gia cấp cao, không có quyền gì khác hơn là quyền làm việc, lãnh lương, im lặng và cố gắng để không rơi vào tình trạng thất nghiệp. Đến ngày gia hạn cư trú, nếu bạn không chứng minh đang có hợp đồng lao động trong tay, thì sẽ bị trục xuất. Không tranh cãi. Không có ngoại lệ. Không có một luật sư nào có thể bênh vực cho bạn trong trường hợp này. Chính quyền Qatar có một chiếc đũa thần để duy trì yên ổn trong giới lao động nhập cư, là cai trị họ bằng nỗi sợ hãi về mối đe dọa có thể bị trục xuất bất cứ lúc nào. Không người nhập cư nào dám phản đối. Người bản địa Qatar thì lại càng không phản đối, mà vui vẻ đứng sau lưng bộ luật nhập cư khắc nghiệt đó. Tình trạng này còn kéo dài bao lâu nữa? Một câu hỏi khó trả lời!

Cho nên, nếu ai có ý định đến làm việc tại Qatar để có lương cao, không trả thuế và dành dụm vài năm rồi trở về, thì cũng tùy hoàn cảnh mà quyết định. Nhưng nếu tính ở lại lâu dài trong môi trường xã hội như thế, thì tôi nghĩ là nên kính nhi viễn chi.

Saigon, hoa và lệ

Chúng tôi rời Doha khi bóng đêm vừa buông xuống. Mùa đông ở Doha thật lạ, mới hơn sáu giờ chiều mà trời đã tối mịt. Ngồi trên khoang máy bay, tôi nhìn ra ngoài chỉ thấy một màu đen kịt. Trên bầu trời không có một vì sao, nhìn xuống dưới không thấy rừng, không thấy biển. Thỉnh thoảng ánh lên vài ngọn đèn hiu hắt của một khu dân cư ở xa xa. Lòng tôi chùng xuống khi nghĩ về những ngày sắp tới. Tôi thảm nhũ, nên ngủ vài giờ để tâm hồn thư thái mà hưởng thụ hạnh phúc được gặp lại người thân. Đêm một hai ba để ru giấc ngủ cũng không ăn thua gì, cố làm cho đầu óc trống rỗng để ru hồn vào hư vô, cũng không có tác dụng. Tôi cứ thế thả hồn lâng lâng, đến đâu hay đó, nhìn ra bên ngoài vẫn chỉ thấy một màu đen gần suốt cả đoạn đường bay.

Khi đến gần vịnh Thái Lan, vài ánh bình minh bắt đầu chiếu rọi qua cửa sổ, mang một luồng sinh khí mới tươi ấm tâm hồn. Tôi khoan khoái hưởng thụ sự yên bình mới chớm từ sắc hồng của mặt trời buổi sáng. Bên trên những áng mây đã thấp thoáng nhiều giọt nắng lung linh. Rồi máy bay hạ độ thấp, núi và rừng dần dần hiển lộ, êm ả tắm nắng ban mai. Rồi Saigon của tôi cũng xuất hiện, vẫn dòng sông uốn lượn quanh khu Thị Nghè, Thanh Đa. Vẫn những khu nhà san sát thấp lè tè nhiều màu sắc, nhưng nhìn ra xa

phía trung tâm Saigon, thỉnh thoảng cũng thấy những tòa nhà chọc trời vươn lên như những nhát cắt phũ định quá khứ. Saigon của tôi đây rồi. Mới sáu năm xa cách mà Saigon đã thay đổi quá chừng như đã xa nhau hàng thế kỷ.



Đón chúng tôi ở sân bay là một phái đoàn hùng hậu ba thế hệ. Có chị, có hai em gái, có các cháu gái cháu trai đứng đó với nụ cười rạng rỡ, những đứa cháu mà bấy lâu cứ thúc giục gọi chúng tôi trở về thăm nhà, hứa sẽ tài trợ phí tồn chuyến đi cho cả hai vợ chồng. Giờ đây thấy chúng đứng đó mặt mày hân hoan, đứa nào cũng đã bước vào tuổi trung niên, con cái đầy đàn, nhưng trước mặt chúng tôi, chúng vẫn giống như những đứa cháu nhỏ bé ngoan hiền của hàng chục năm về trước. Tôi ôm cả đại gia đình vào vòng tay, để cảm nhận sự ấm áp của tình thương yêu của người thân.

Tuần sau đó là một chương trình dài đằng đặc, tiểu yến có, đại yến có, các cháu gái cháu trai thì dẫn chúng tôi đi trải nghiệm những sự kiện mới, thưởng thức văn nghệ của Chào Show, trải nghiệm tuyến Metro mới, phố đi bộ, thưởng thức món ăn độc đáo chưa hề biết, kéo vào tiệm thời trang bắt phải thử để mua tặng cho bằng được vài chiếc quần tây, đi chợ Bến Thành mua sắm, trả giá, ăn vặt. Tôi có cảm giác như người mù được các cháu dắt tay đi khám phá những vùng đất mới.

Chuyến thăm quê hương của tôi bắt đầu với những cảm xúc êm đềm như thế.

Đó là những ngày tôi tận hưởng vẻ đẹp hoa lệ của Saigon. Quanh quẩn ở quận một, du khách có cảm giác như luồn lách qua những góc nhỏ của thiên đường, dù không có hoa thơm cỏ lạ, nhưng đầy ắp sự sinh động của những con người tràn đầy sức sống. Chung quanh công trường Nguyễn Huệ, các khu phố rất khang trang, các tòa nhà không quá cao, nhưng đủ tráng lệ để tỏa sáng một góc phố. Lề đường được thường xuyên quét dọn để tạo một không gian sạch sẽ, quý phái. Saigon quận một xem ra thật quyến rũ không thua kém bất kỳ khu trung tâm nào của các nước tiên tiến, chắc chắn hơn xa Frankfurt nơi tôi đang sinh sống. Người du khách ngoại quốc, đa số chỉ quanh quẩn ở quận một, khó lòng tưởng tượng đến một thực tế là, thu nhập đầu người Việt Nam chưa vượt quá ngưỡng 5.000 US\$ mỗi năm.



Nhưng chúng tôi không ở trong khách sạn quận một, mà được cô em gái đón về ở trong một căn nhà khá khá của giới trung lưu ở Gò Vấp. Không sang trọng như khách sạn, nhưng có không gian riêng, và ngày ngày từ sáng sớm, hai anh em có thể cùng nhau uống trà, ăn sáng, kể chuyện đời và ôn lại những kỷ niệm tuổi thơ ở xứ Huế. Căn nhà cách trung tâm tám cây số, tọa lạc trong một khu vực hiếm hoi, có cây xanh bóng mát, có một công viên nho nhỏ, để các cụ già tập thể dục mỗi sáng, hoặc các cô cậu thanh niên ngồi uống cà phê, có người thì trầm ngâm chơi cờ tướng.

Để quan sát cuộc sống đời thường, đây là nơi nghỉ chân quá lý tưởng. Vào buổi sáng, tôi ra ngoài đường lớn để ngắm nhìn đời sống thường nhật của những phận người vất vả mưu sinh. Khi cảm thấy mệt mỏi vì nhịp sống hối hả của đường phố, tôi trở về ốc đảo này, ngồi uống cà phê trong phòng khách ngắm nhìn đời sống nhẹ nhàng lướt qua công viên để nạp thêm năng lượng. Bước ra khỏi ốc đảo xanh tươi ấy, đi bộ chừng 300 mét, tôi có thể cảm nhận một nhịp đập khác của Saigon, nhịp đập của cuộc đời đua tranh không ngừng nghỉ. Sự đua tranh đó hiện rõ ở dòng xe cộ đông đúc giờ cao điểm, những cô gái chạy xe máy trùm kín mặt mày tay chân, len lỏi uốn lượn giữa dòng xe cộ kẹt cứng trên lòng đường, Người ta có thể gọi đó là nếp sống năng động của người Saigon, nhưng người khác cũng có thể gọi đó nhịp đập từ sự bươn chải mưu sinh của những phận người không bao giờ kiếm đủ cho nhu cầu cuộc sống.

So với vài thập niên trước, Gò Vấp bây giờ đã phát triển hơn nhiều. Đã có những khu chung cư sang trọng, kiến trúc châu Âu, trên những con đường nhỏ cắt ngang hông, trong lúc ở trực chính đã mọc lên những siêu thị đa năng, những cửa hàng lồng lẩy. Nhưng tiếp nối vài tòa nhà lồng lẩy đó là một dãy dài những cửa hàng tư nhân bán đủ thứ, từ áo quần giày dép, đến vật gia dụng, bán xe đạp, xe máy cũ. Thỉnh thoảng có một tiệm hàn xì cơ khí, với vài em công nhân mình trần trụi trực làm việc bên lò lửa và cái nóng cháy da. Nhìn xuống lề đường, thì dường như không còn không gian cho người đi bộ. Vĩa hè của khách bộ hành thường biến thành bãi giữ xe tự phát của ai đó, nhưng chắc hẳn đã được công an bảo kê. Tôi thường khó nhọc len lỏi giữa không gian hỗn loạn đó để kiếm đường đi, nhiều lúc phải bước xuống đường, đối mặt với dòng xe chạy đông đúc, và không khỏi rung mình khi nghĩ đến tai nạn có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Nhưng những điều hỗn loạn đó cũng không làm cho người ta ngậm ngùi chua xót. Đi một đoạn ngắn là người ta đã gặp vài bà cụ bán vé số. Không hiếm người đã đến tuổi 70, lứa tuổi mà đúng ra họ có thể an hưởng tuổi già bên con cháu. Hỏi thăm về công việc, tôi không khỏi ngậm ngùi cho những phận đời đen bạc. Mỗi tấm vé số họ hưởng được 1500 đồng tiền huê hồng. Mỗi ngày bán được bao nhiêu tấm? Vài chục tấm? Hay những người may mắn lắm cũng chỉ bán được 100 vé là cùng. Nếu mỗi ngày lang thang 10 giờ ngoài đường, mỗi tháng 30 ngày, người may mắn nhất cũng chỉ kiếm được 4 triệu đồng, vừa đủ cho một miếng ăn, nếu không phải trả tiền thuê nhà. Rồi chúng ta còn thấy những gánh hàng rong bán chè, cháo, tàu hủ, những thức ăn dân giả được ưa chuộng thời trước, nay thì khó lòng cạnh tranh với thực phẩm công nghiệp trong siêu thị, kiếm được vài ngàn vật vãnh cũng không dễ chút nào. Đây là chưa kể nhiều phận đời khác ngày ngày bươn chải mưu sinh, ngồi lếch tha lếch thếch để bán rau, bán hoa quả, mà suốt ngày cũng chưa chắc kiếm đủ tiền cho một miếng ăn, nói gì tới chuyện nuôi gia đình hoặc cho con cái ăn học.



Những cảnh đời đen bạc ấy đã có từ lâu, từ thập niên 1960, khi tôi còn là một sinh viên đầy nhiệt huyết. Nhưng thuở ấy người ta rất quan tâm đến số phận hẩm hiu của những phận đời sa cơ thất thế. Chính phủ miền Nam lúc ấy vẫn có, dù không nhiều, một ngân sách nào đó trong chương trình hỗ trợ thanh niên sinh viên tình nguyện làm công tác xã hội. Bây giờ, sau 60 năm, những phận người đó xem ra không hề giảm mà dường như tăng lên. Điều bi đát là không ai chăm lo để gánh bớt phần nào nhọc nhằn cho họ. Chính quyền thì dường như không để mắt tới, trên đường phố không hề thấy bóng dáng của thanh niên chí nguyện. Chúng tôi, những ông già gần 80 thì sức lực đã cạn, còn thanh niên hôm nay thì sao? Dường như họ chỉ bận tâm chuyện kiếm tiền, người có chút điều kiện thì nháp nhòm nộp đơn xin ra ngoại quốc. Người có trình độ học vấn thấp hơn thì đôn đáo kiếm tiền để mua một vé xuất khẩu lao động. Những bận tâm thường nhật ấy đã che khuất ý thức về bất bình đẳng xã hội. Thuật ngữ đó dường như đã trở thành thứ ngôn từ xa xỉ, chỉ có trong từ điển, không hề có một mối liên hệ nào với đời sống thực.

Điều gì đang xảy ra trên vùng đất hứa của tôi 60 năm về trước, vùng đất mà tôi từng xem như cội nguồn của mọi ước mơ tuổi trẻ?

Tôi thâm nhủ, ở cái tuổi gần đất xa trời mà còn bức xúc với những thứ đảiboại trong xã hội, thì làm sao thanh thản để chuẩn bị chuyện cuối đời. Cho nên, tôi cố thu mình tận hưởng cảm xúc dịu dàng với người thân trong gia đình, và dành thời gian còn lại để gặp bạn cũ, những người mà trong cái nhiều nhường của xã hội vẫn còn nghĩa khí và ý thức tương giao để trao đổi với nhau dăm ba chuyện đời, chuyện người, chuyện nhân tình thế thái, nhưng trước hết là để trong quỹ thời gian còn lại không nhiều, vẫn có thể dành cho nhau nụ cười, tình thân ấm áp và mối cảm thông với những ưu tư không dứt.

Trước khi rời Saigon để đi ra miền Trung, chúng tôi hẹn gặp vợ chồng anh Trần Hữu Quang và chị Thu Như, hai người bạn cùng trang lứa quen nhau từ gần 10 năm trước trong một kỳ hội thảo hè tại Praha. Anh là giáo sư xã hội học của đại học Saigon, chị là cựu giảng viên đàn dương cầm, cho nên cả hai người có một lối sống và tư duy rất cởi mở và hiện đại. Chúng tôi cùng nhau ăn sáng gần quán phở Pasteur, nơi ghi dấu biết bao kỷ niệm của nửa thế kỷ trước. Gặp nhau trong tâm thái ý hiệp tâm đầu với nhau về chuyện đời, chuyện thế sự, chuyện gia đình, chuyện xã hội. Bốn tuần sau, chúng tôi còn tham gia một séminaire của anh Quang để sống lại không khí sinh viên của 60 năm trước, và nói chuyện với sinh viên để hiểu thêm đời sống của họ. Hóa ra, đa số các em sinh viên nào cũng mang trong người một hoài bão trong sáng được tham gia cải tạo xã hội. Nhưng em nào cũng thờ dãi, hoài bão đó không thể trở thành hiện thực trong một môi trường, mà các định chế có sẵn là chuẩn mực không ai được phép vượt qua. Và khi rời đại học để lao vào đời sống nghề nghiệp, các em bị cuốn hút vào vòng xoáy cuộc đời, hoài bão đẹp đẽ cũng dần dần mai một theo thời gian.

Nghĩ lại tuổi trẻ dữ dội của mình nửa thế kỷ trước, rồi nhìn tuổi trẻ hiện nay, lòng tôi không khỏi có chút băng khuâng. Một quốc gia mà thanh niên sinh viên không dám lên tiếng phản biện chuyện gì, không dám công khai phản đối những bất cập sâu sắc của xã hội, thì tương lai của quốc gia đó sẽ thế nào?

Vui mừng nhất là gặp lại người bạn cũ Bùi Văn Nam Sơn, người bạn từ những ngày đầu tham gia phong trào phản chiến ở Tây Đức. Dù tuổi đã gần 80, thị lực không còn nhiều, đi đứng không vững, nhưng giọng nói của anh trong lúc diễn thuyết vẫn sang sảng như ngày nào. Đó là buổi tọa đàm triết học tại đại học Luật. Với lối phát biểu hùng biện, phong cách sang khoái tự do, có phần dí dỏm, anh vẫn còn sức cuốn hút khi truyền đạt những vấn đề phức tạp khúc chiết, bằng lối nói giản dị, ngôn từ trong sáng để chuyển tải nội dung đến người nghe. Bùi Văn Nam Sơn bây giờ và hơn nửa thế kỷ trước xem ra không khác nhau nhiều. Chỉ có tóc đã bạc trắng, thị lực đã cạn kiệt. Còn ngoài ra, giọng nói vẫn hùng hồn như thế, phong thái vẫn khoáng đạt như thế. Tôi ngồi nghe anh diễn thuyết mà tưởng như nghe bạn già nói chuyện gần 60 năm về trước, và lấy làm mừng khi thấy anh, sau một thời gian thất vọng ê chề vì nhân tình thế sự, đã tìm được thú vui trong việc nghiên cứu triết học và xây dựng một nhóm triết học trẻ để tiếp nối. Và giống như gần 60 năm trước trong phong trào ở Tây Đức, anh Sơn đang có một chỗ đứng vững vàng trên lâu đài triết học hiện đại của Việt Nam, được nhiều đại học từ Nam ra Bắc sẵn đón mời diễn thuyết. Tên tuổi của anh đã đi vào lịch sử triết học Việt Nam một cách đỉnh đặc, và chắc chắn sự nghiệp triết học của anh sẽ còn lưu truyền trong nhiều thế hệ về sau.

Chưa hết, trong khuôn khổ việc ăn mừng sự ra đời tập sách “Thuật ngữ Tâm lý học – Anh Việt Pháp Đức”, mà Hoàng Lan Anh phụ trách hiệu đính tiếng Pháp và Đức, anh chủ biên Hoàng Hưng đã mời chúng tôi và vài người bạn tâm giao đến ăn sáng tại Trung Nguyên Legend, nơi có món phở khô Gia Lai danh tiếng của Saigon. Tôi gặp lại anh Mạc Văn Trang sau 8 năm từ ngày anh còn ở Ba Lan, gặp chị Kim Chi, diễn viên thần tượng của chúng tôi trong thập niên 60, gặp anh Lưu Trọng Văn mà văn phong thanh thoát đã để lại dấu ấn không phai mờ trên văn đàn, gặp nhà hán học Trần Văn Chánh, người tham gia tích cực vào cuốn từ điển để rà soát các từ ngữ Hán-Việt. Đó là những con người có khối óc minh mẫn và đôi chân vững vàng như đá. Cho dù gặp nhiều oan khiên trong đời sống, có người bị cấm xuất cảnh, người khác thì không ai dám nhận xuất bản sách, nhưng phong thái mọi người vẫn vô cùng đỉnh đặc, tự tin. Họ vẫn nói chuyện tự nhiên, không e dè về những điều khuất tất trong xã hội, và từ phong thái của họ, tôi học được một cách nhìn quá sâu sắc về nhân tình thế sự. Niềm hy vọng không bao giờ tắt.

Tiếc là, vì một sự nhầm lẫn không đáng có, tôi không gặp được nhà thơ Ý Nhi để hàn huyên chuyện văn học, thôi đành phải “văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình“. Hẹn chị lần tới nhé.



Và như thế, tôi trở về Saigon với cảm xúc êm đềm trong vòng tay của chị em và các cháu, rồi tạm rời Saigon để ra miền Trung trong tâm trạng băng khuâng nhưng có điểm chút yên bình. Cho dù đời sống xã hội còn nhiều bất cập, nhưng ở đây vẫn còn những con người, dù tuổi đời đã cao, nhưng trái tim vẫn nồng cháy, kiên nhẫn tỏa ra những tia sáng thông tuệ và tình người. Hy vọng họ có thể truyền đạt lại cho các thế hệ sau để tiếp tục ngọn lửa nồng cháy đó.

Tôn Thất Thông

Bad Nauheim, tháng giêng năm 2026

(Còn tiếp: Hội An, Huế, Hà Nội, Ninh Bình, Phú Quốc)

KÝ SỰ - VỀ THĂM QUÊ HƯƠNG (2)

Hội An phố chợ đông người...

Tôn Thất Thông

Tôi leo lên máy bay, trực chỉ Đà Nẵng, bắt đầu chuyến đi tìm về tuổi thơ ở miền Trung. Ngồi trên máy bay, tôi nhâm nhi mấy câu hát của Phạm Duy:

*Về miền Trung! Miền thùy dương bóng dừa ngàn thông
Thuyền ngược xuôi suốt một dòng sông... dài
Ôi quê hương xứ dân gầy
Ôi bông lúa, con sông xưa, thành phố cũ*

Dù đi xa tận Saigon để vào đại học, hoặc xa hơn sang tận trời Âu để tiếp tục sự nghiệp, thì miền Trung vẫn mãi khắc ghi trong ký ức của tôi. *Ôi quê hương xứ dân gầy*, Phạm Duy đã dùng một hình tượng đến nao lòng để nói lên phận đời mưu sinh của người miền Trung, trong vùng đất mà người ta quen dùng hình ảnh ẩn dụ là *chó ăn đá, gà ăn muối*. Nhưng có lẽ nhờ đã từng sống trong môi trường khắc khổ đó, mà người miền Trung ít khi đầu hàng trước những tình huống nghiệt ngã trong cuộc đời.

Về miền Trung, với tôi trong chuyến đi này trước hết là về Huế, về thăm gia đình cô em gái, dù vật đổi sao dời, vẫn cương quyền bám trụ suốt mấy chục năm qua. Về thăm lại trường xưa, thăm những người bạn còn sót lại không nhiều, thăm con sông Hương đẹp đến ngẩn ngơ, thăm con đường Mã Khái gắn liền với 18 năm tuổi thơ, thăm ngôi lầu Hoàng Đế đã cư mang gia đình tôi trên tầng hai suốt ba ngày lụi năm 1953. Nhiều thứ để thăm lắm.

Và trên đường đi, chúng tôi trước hết ghé thăm Hội An. Đã vài chục năm nay tôi chưa từng đến đó, nhưng nghe người ta nói rằng, thành phố du lịch này được ưa chuộng vì nó không phát triển như bao thành phố du lịch khác, không tha hóa vì tác động của dòng người tứ xứ, mà nó vẫn còn giữ nét văn hóa độc đáo của riêng mình.

Đối với tôi, Hội An còn có một ký ức khác liên quan đến Vĩnh Điện, thành phố cách Hội An vài cây số. Thưở ấy, tôi là một học sinh mới vào trung học đệ nhất cấp (tức là cấp hai), có một lần vào dịp nghỉ hè, đi chơi theo ba tôi trong chuyến công tác ở Vĩnh Điện. Nửa đêm đang ngon giấc thì thành phố bị pháo kích suốt gần nửa tiếng đồng hồ. Ba tôi đẩy tôi xuống hầm trú ẩn ngay dưới gầm giường, ôm tôi để lấy thân che chắn, phòng hờ trường hợp đá bay đạn lạc. Đến lúc mọi thứ yên ắng, hai cha con lồm cồm bò dậy, lưng áo ba tôi dính đầy bụi đất, và một vạt áo bị rách vì đá bay xước ngang. Còn tôi, vì được che chắn cho nên an toàn. Ở lứa tuổi 12, tôi bắt đầu lờ mờ có ý thức thế nào là che chắn và được che chắn, và ý thức đó vẫn dỗi theo tôi, ngày càng rõ nét, rồi nhờ thế mà khi trưởng thành, nó định hình phong cách tôi cư xử với người thân trong gia đình. Cảm ơn Ba tôi, người đã dạy cho tôi một bài học lớn trong cuộc đời mà không cần nói một lời.

Khi đã leo ra khỏi hầm trú ẩn, tôi ngơ ngác không biết chuyện gì, ngây thơ hỏi: “*Ai bắn súng vậy ba?*”. Ba tôi đánh trống lảng, chỉ nhỏ nhẹ an ủi rằng, chuyện vẫn thường xảy ra ấy mà. Mãi vài năm sau lớn khôn hơn một chút, khi thành phố Huế bắt đầu đối mặt với những xáo trộn chính trị, tôi lờ mờ hiểu thêm một số chuyện. Ba tôi là sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa, trong lúc chú bác bà con, người thì tập kết, người khác thì đã “*chết*” như được ghi trong giấy khai sinh của con cái họ, thực chất là họ đang ở trong “*bung*”. Có lẽ hồi đó, Ba tôi không muốn gieo vào đầu trẻ thơ những khái niệm không đẹp về chiến tranh, về chia ly, về bị kịch gia đình, về oan khuất của những phận đời nghiệt ngã.

Mãi sau này, khi sang tận trời Âu, tôi mới học được từ bạn bè Đức khái niệm “*chủ nghĩa hòa bình*” (*pacifism*), học được từ họ nhiều điều để thâm thía thế nào là sự phi lý của chiến tranh, và ngày càng cảm thấy ngậm ngùi như Trịnh Công Sơn: “*Hai mươi năm nội chiến từng ngày*”. Dần dần, tôi học thêm từ bạn bè cách hành xử năng động hơn, không còn thụ động ngậm ngùi, mà công khai biểu lộ thái độ phản chiến bằng viết báo, phản biện, rải truyền đơn ở Cantine sinh viên, diễn thuyết, biểu tình bất bạo động. Bạn bè Đức thường nói để trấn an tôi rằng, sẽ không có chuyện gì xảy ra, khi bạn không bạo động và hành xử trong khuôn khổ luật pháp. Cảm ơn các bạn bè sinh viên Đức, Việt Nam và ngoại quốc cùng lứa, đã mở

cho tôi nhiều cánh cửa để nhìn đời dưới nhiều lăng kính khác nhau, để so sánh, để chọn lựa. Những hoạt động trong thời gian đó hết sức ấn tượng, đã trở thành những kỷ ức không hề phai nhạt qua thời gian, đã trở thành thói quen hành xử trước những phi lý của cuộc đời. Chúng đã định hình con người tôi cho đến tận bây giờ.

Từ nhiều bài học lịch sử, tôi nghiệm ra rằng, nước nào rơi vào chiến tranh, dù do bên nào gây ra, đều bị lịch sử ném lại đằng sau nhiều thập kỷ. Nước nào may mắn thì sau khi chiến tranh chấm dứt vài chục năm có thể đoàn kết toàn dân để vươn mình trở lại, nước nào kém may mắn hơn thì chìm đắm lâu dài trong hận thù, lạc hậu. Việt Nam thuộc trường hợp nào đây? Tôi trầm nghĩ mà không tìm được câu trả lời, vì lạc hậu và tiên tiến là những khái niệm quá mơ hồ khi cảm nhận nó bằng trái tim thuần khiết, không phải bằng những con số vô tri.



Máy bay đến Đà Nẵng vào lúc ba giờ chiều. Xa xa chúng tôi nhìn thấy khu vực đẹp tuyệt trần của Ngũ Hành Sơn, nơi gần như mỗi năm trong thời thơ ấu tôi được đến chơi một lần để mua hàng lưu niệm, rồi bán đảo Sơn Trà xanh mát hiện ra, trước khi máy bay đáp xuống phi đạo. Xe của khách sạn đón tôi ở phi trường và đưa thẳng về Hội An, đi ngang qua Ngũ Hành Sơn, Điện Bàn rồi đi vào thành phố khi trời chưa tối.

Chúng tôi còn kịp tắm rửa, thay áo quần để đi dạo quanh phố cổ, đi ăn tối và mua sắm ở chợ đêm Hội An. Trong suốt hai giờ dạo quanh phố cổ, tôi thụ hưởng một cảm giác yên bình đến lạ kỳ, ngắm nhìn những chiếc đèn lồng treo trước mỗi căn nhà, đi bộ dọc sông Thu Bồn, thưởng thức nét đẹp lung linh của dòng sông phủ đầy những ánh đèn cầy mờ mờ ảo ảo bên cạnh các chiếc thuyền nan chở du khách, lững lờ trôi. Tôi chợt thấy rằng, đã lâu lắm rồi, mình thèm khát một cảm giác yên bình như thế này, quên đi cái vội vã lạnh lùng của Frankfurt, quên đi nếp sống vội vàng bươn chải của nhiều phận đời ở Saigon trong những ngày qua.

Đi quanh phố cổ, người ta dễ dàng tìm thấy dấu vết để lại của cư dân ngoại quốc đã đến Hội An định cư suốt hơn 500 năm qua, và chính họ đã làm cho văn hóa Hội An phong phú, từ đó định hình bản sắc Hội An mà không thành phố nào có được. Kìa, đó là khu lưu niệm của cư dân người Hoa thuộc tỉnh Phúc Kiến, kia là nhà thờ họ của cư dân Triều Châu, tất cả đều mang đặc trưng của kiến trúc Trung Hoa. Đi xa hơn một chút là kiến trúc Nhật Bản, mà tiêu biểu là Chùa Cầu nằm trong trái tim của Hội An. Và rải rác khắp nơi là những căn nhà mang dấu ấn của kiến trúc châu Âu thế kỷ 18 sơn màu vàng đậm, đặc trưng không thể nhầm lẫn với nơi nào khác.



Điều làm cho tôi cảm thấy yên bình, không chỉ là không khí và cuộc sống, mà là con người Hội An. Từ Saigon ra đây, chỉ sau một ngày, tôi có cảm giác như đi từ nước này qua nước khác. Người Hội An sống chậm hơn những nơi khác, không phải vì họ lờ là với công việc mưu sinh, mà dường như đối với họ, dù bận rộn đến đâu, thì sự tương giao giữa con người với nhau vẫn là một niềm vui của chính bản thân họ. Người ta gọi bằng từ đơn giản là hiếu khách, nhưng trong chiều sâu của tâm hồn, nó còn mang ý nghĩa nhân văn cao hơn thế rất nhiều.

Chúng tôi đến thăm một quầy hàng lưu niệm trong chợ đêm, đứng nói chuyện với cô chủ hàng khá lâu, nhưng chưa có ý định mua gì. Thình thoảng thấy vài người khách ngoại quốc đến sờ mó xem hàng, tôi nhắc cô ấy qua tiếp khách, thì cô trả lời ráo hoảnh: “Không sao, họ cứ xem tự nhiên và lúc nào muốn mua thì họ sẽ hỏi em, không cần chào mời đâu ạ”. Thật lạ, một phong cách tiếp khách hàng quá ư thoải mái, khác hẳn việc buôn bán ở chợ Bến Thành. Lân la chuyện trò thì biết cô ấy là người đồng hương, đã từng là giáo viên dạy văn ở Huế, rồi theo chồng vào làm ăn ở Hội An từ hơn 20 năm nay.

Sau một lúc, xem ra hai bên bắt đầu thân mật, tôi hỏi đùa: “Em là người Huế, dạy văn mà chẳng lẽ không biết hai câu thơ dân gian: *Học trò trong Quảng ra thi, thấy cô gái Huế chân đi không rời*. Còn em thì làm chuyện ngược lại, cô giáo Huế rồi bỏ quê hương để theo chồng vào Quảng là sao?”. Cô chủ hàng phá ra cười sảng khoái: “Lúc đầu em cũng nghĩ như rửa, nhưng sau 20 năm lấy chồng người Quảng, sống ở xứ Quảng, em thấy không hề hối hận vì quyết định của mình. Hội An là nơi đáng sống lắm ạ”. Rồi trầm ngâm nói tiếp: “Người Huế còn một câu độc địa hơn, *Quảng Nam hay cãi, Quảng Ngãi hay co, Bình Định hay lo, Thừa Thiên ăn hết*. Đồ anh chị, *Thừa Thiên ăn hết* có nghĩa là gì?”, rồi tùm tùm cười bí hiểm. Tôi gặng hỏi mãi thì chỉ nhận được câu trả lời không đầu không đuôi: “Nó có năm bảy nghĩa khác nhau anh ạ. Lúc dạy học ở Huế, em cắt nghĩa hết cho học sinh nhưng không phê phán, chỉ yêu cầu các em học sinh tự kiểm câu trả lời nào mang ý nghĩa sâu sắc nhất cho chính mình”. Tôi ngớ người, rốt cuộc cũng không biết cô ấy nghĩ gì, và *Thừa Thiên ăn hết* có ý nghĩa sâu xa như thế nào?



Hỏi thăm thu nhập hàng ngày thì cô ấy cho biết, nếu ông trời đừng gây mưa quét bão, thì hai vợ chồng bán hàng ở chợ đêm cũng có thể mang lại cho họ thu nhập đủ để nuôi hai đứa con ăn học. Nếu ban ngày kiếm được việc gì làm thêm, thì có thể tích cóp thêm chút ít tiết kiệm để sau này đưa con lên Đà Nẵng học đại học. Nghe như thế, tôi cảm thấy tâm hồn bình yên đến lạ. Cách đây 30 năm, Hội An còn là một cảnh biển hẻo lánh, giờ đây nó đã trở thành một vùng trù phú thu hút cư dân các vùng quê chung quanh

đến lập nghiệp. Hàng chục ngàn gia đình ở Hội An đều sống nhờ du lịch. Gần 5 triệu lượt du khách mỗi năm đã mang đến cho Hội An hàng ngàn công việc đủ loại, nuôi sống hàng chục hộ dân cư. Biết như thế, chúng tôi chột nghĩ, mình có nên tiết kiệm chi tiêu khi đi du lịch những nơi đáng yêu như Hội An. Đường như những ngày sau đó, chúng tôi tiêu pha mạnh tay hơn, trải nghiệm nhiều dịch vụ hơn, tham gia nhiều sự kiện hơn, mua khăn quàng, áo quần nhiều hơn, mặc dù biết rằng khi trở về Đức, những món hàng đó chưa chắc sẽ được dùng một lần nào trong năm. Có phải đó là tâm lý của xã hội tiêu thụ thừa mứa? Đúng vậy, nhưng có sao đâu, nếu sự tiêu pha đó có thể mang lại nụ cười cho vài gia đình đang sống nhờ dịch vụ du lịch?

Người Hội An bình quân không giàu, hay nói chính xác hơn, sự chênh lệch giàu nghèo không quá đáng. Ai làm chủ một khách sạn chừng 20 phòng, thì đồng ra đồng vào cao hơn hẳn so với người khác. Nhưng người ta không thấy sự chênh lệch quá lộ liễu như ở Saigon hay Hà Nội. Ở Hội An suốt ba ngày, chúng tôi không hề thấy một người ăn xin, hay một em bé đánh giày. Vé số được bán ở các cửa hàng dịch vụ chứ không phải bán lang thang bởi các cụ già quá tuổi. Gánh hàng rong thì thành phố nào cũng có. Nhưng ở Hội An, hàng rong có vẻ khảm khá hơn, phong phú hơn, cây trái tươi ngon hơn, chất lượng cao hơn, có thể cạnh tranh với siêu thị. Tôi làm một việc lắm cảm để tính sơ qua, nếu mỗi ngày họ bán hàng rong như thế được hai lượt hàng, thì việc nuôi sống gia đình không phải là chuyện quá cam go, như nhiều phận đời đen bạc ở Saigon hay Hà Nội.



Cho nên tôi hiểu, tại sao có người vào Saigon lập nghiệp, nhưng khi ngành du lịch ở Hội An bắt đầu phát triển sau khi UNESCO công nhận Hội An là di sản văn hóa, họ liền nhanh chân trở về, nắm lấy thời cơ để xây dựng tương lai trên chính mảnh đất quê hương của họ, như cặp vợ chồng trung niên làm chủ khách sạn nơi tôi cư ngụ trong thời gian ở Hội An. Đôi vợ chồng này là những người dễ bắt chuyện, cởi mở, và qua họ, tôi hiểu nhiều hơn về con người Hội An, về đời sống kinh tế, cũng như căn tính của những người con xứ Quảng.

Dù là thành phố du lịch đã chạm mức quá tải, nhưng chúng tôi không thấy sự ồn ào, xô bồ như ở vài thành phố du lịch ở Thái Lan. Không đi điếm, không quán bar với điệu múa cột khiêu dâm, không thấy các cô gái ăn mặc hở hang trên các khu phố du lịch. Thỉnh thoảng chỉ thấy vài quán bar hát nhạc rock để phục vụ du khách trẻ, phong thái rất lành mạnh. Khu vực ẩm thực và phố cổ luôn luôn là một lễ hội đầy màu sắc, vui nhộn, sống động. Có lẽ đây là một nỗ lực lớn của chính quyền địa phương để duy trì một không gian đầy văn hóa như thế, mặc dù ai cũng biết, du lịch hàng loạt số đông thường đi đôi với những trò tiêu khiển kém văn hóa.

Đêm cuối cùng, chúng tôi nhờ cô Liễu, chủ khách sạn mua giùm hai vé đi xem show diễn “Ký ức Hội An”. Đó là show nghệ thuật ngoài trời, được tổ chức trong một công viên văn hóa, nghỉ dưỡng, giải trí, chiếm trọn một hòn đảo nằm lọt giữa hai nhánh sông Hoài. Chương trình được diễn trên một sân khấu lộ

thiên rộng hơn một sân đá bóng, thêm nhà cửa, thuyền bè để làm phong ở phía sau, có nhánh sông Hoài vắt ngang, có cầu đi bộ, kết hợp với kỹ thuật ánh sáng, đèn LED để mô phỏng chuyển động và tạo nên ảo giác êm đềm cho người xem. Không gian sông nước, kiến trúc và con người này là một kết cấu có một không hai, có lẽ đó là sân khấu lớn và độc đáo nhất Việt Nam hiện nay.

Về nội dung, show diễn dùng ngôn ngữ sân khấu, âm nhạc, ánh sáng và hơn 500 nghệ sĩ để đưa khán giả trở về sống lại năm thế kỷ phát triển của thành phố Hội An. Mặc dù được nhà sử học Dương Trung Quốc cổ vấn về lịch sử, *Ký ức Hội An* cũng không tránh khỏi việc dùng hư cấu nghệ thuật để tái tạo lịch sử bằng sân khấu và âm nhạc. Một trong năm màn quan trọng là đám cưới của Quốc vương Chiêm Thành Chế Mân và Huyền Trân Công Chúa người Việt. Theo sử sách, công chúa Huyền Trân chưa bao giờ đặt chân đến Hội An, và đám cưới xảy ra vào thế kỷ 14, tức nằm ngoài giai đoạn phát triển của cảng biển Hội An, vốn dĩ chỉ bắt đầu từ thế kỷ 16, lúc người Nhật và Trung Hoa bắt đầu giao thương buôn bán với cư dân Hội An. Tuy thế, qua màn trình diễn, tinh thần lịch sử vẫn được giữ trọn vẹn để các nghệ sĩ có thể phục chế được nền văn minh Chiêm Thành lúc ấy, tinh thần hợp tác hài hòa giữa hai dân tộc Việt – Chiêm và sự hy sinh âm thầm của công chúa Huyền Trân trong sự nghiệp của vua cha về việc mở mang bờ cõi xuống phương Nam.



Bên cạnh các yếu tố lịch sử, việc sử dụng nhiều chi tiết hư cấu mang tính biểu tượng đó đã giúp các nghệ sĩ diễn đạt xuất thần vai trò của người phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp duy trì và phát triển nền văn hóa bản địa. Nhân vật nữ xuyên suốt show diễn không phải là nhân vật lịch sử cụ thể, mà tượng trưng cho người phụ nữ Hội An qua nhiều thế hệ. Hình ảnh Huyền Trân Công Chúa xuất hiện trong show cũng mang ý nghĩa biểu tượng cho sự hy sinh và quá trình mở rộng biên cương, mặc dù hình ảnh ấy không phản ánh chính xác một sự kiện lịch sử nào đã xảy ra trên đất Hội An. Những yếu tố lịch sử vừa hư vừa thực đan xen nhau, giúp cho câu chuyện trở nên liền mạch, giàu cảm xúc và khán giả dễ bị cuốn hút vào dòng lịch sử của Hội An.

Qua chương trình, người xem không chỉ hiểu thêm về lịch sử Hội An mà còn cảm nhận được linh hồn của đô thị cổ hơn 500 năm. Linh hồn đó là sự giao thoa văn hóa giữa Việt Nam, Chiêm Thành, Trung Hoa, Nhật Bản, Ấn Độ và châu Âu, với tinh thần cởi mở, hòa nhịp và khả năng thích nghi của con người Hội An qua nhiều biến động của thời gian. Dù không phải là một tác phẩm lịch sử hoàn toàn chính xác, “*Ký ức Hội An*” vẫn thành công trong việc truyền tải tinh thần lịch sử và khơi gợi niềm tự hào về di sản văn hóa dân tộc. Đây là một sáng tạo nghệ thuật vô cùng độc đáo mang giá trị giáo dục, làm cho lịch sử không còn là câu chuyện khô khan, mà trở nên sinh động và lôi cuốn khán giả. Show diễn này quả là một cách tiếp cận lịch sử liêu lĩnh, sáng tạo, dùng hư cấu nghệ thuật sân khấu để làm sống lại sự thật lịch sử trong lòng người xem, một loại hình văn hóa mà cho đến nay, chúng ta chỉ biết qua các tiểu thuyết giả sử.

Một show diễn không thể bỏ qua đối với mọi du khách khi viếng thăm Hội An.

Ba ngày trôi qua thật nhanh, vào sáng hôm sau, chúng tôi trở về Đà Nẵng để tiếp tục hành trình về Huế. Cô Liễu chủ khách sạn cúi vào tay chúng tôi một gói lớn. Mở ra xem thì toàn là đặc sản Huế còn nóng

hỏi, gồm bánh nậm, bánh bột lọc nhân tôm, bánh ít, bánh su sê và có cả nước mắm đi kèm. Cô ấy nói là biểu cô chú để ăn dọc đường hôm nay và sáng mai trước khi lên tàu về Huế. Chúng tôi ngẩn người, quá đỗi ngạc nhiên và vô cùng cảm kích. Có người chủ khách sạn nào khác có được tấm lòng hiếu khách tương tự như vậy? Nó làm chúng tôi càng yêu mến con người vùng cảng biển này hơn trước.

Tôn Thất Thông

Bad Nauheim, tháng giêng năm 2026

(Còn tiếp: Huế, Hà Nội, Ninh Bình, Phú Quốc)

[Xem bài trước: Về thăm quê hương \(1\) – Saigon, hoa và lễ](#)

[Trở về trang chủ](#)

[Xem thêm các bài viết và dịch của Tôn Thất Thông](#)



Sân khấu lộ thiên Ký ức Hội An

KÝ SỰ - VỀ THĂM QUÊ HƯƠNG (3) SAO ANH KHÔNG VỀ THĂM THÔN VỸ...

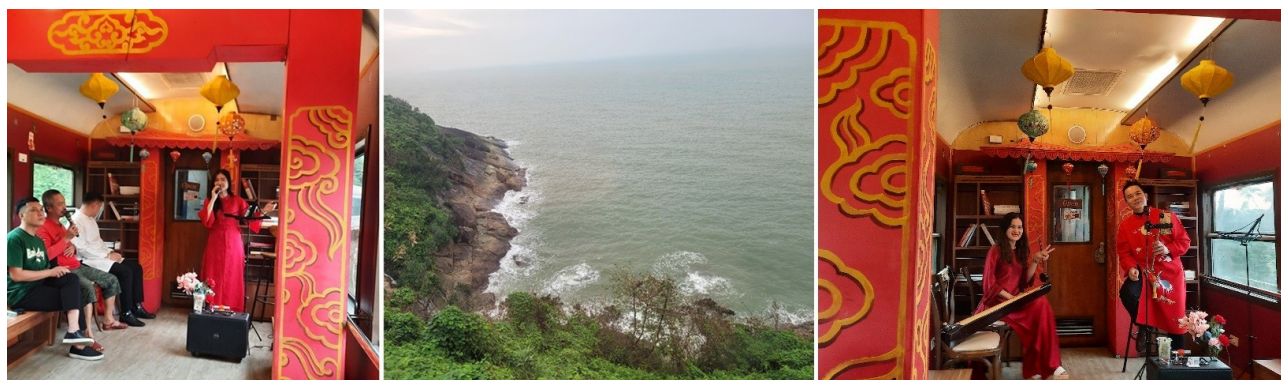
Tôn Thất Thông & Hoàng Lan Anh

*Ở đây sương khói mờ nhân ảnh,
Ai biết tình ai có đậm đà? (Hàn Mặc Tử)*

Chúng tôi rời Đà Nẵng để lên tàu ra Huế trong một buổi trưa dịu mát, “trời không nắng trời không mưa, chỉ hiu hiu gió cho vừa nhớ thương”. Tâm hồn tôi lúc ấy cũng dịu dàng trong cảm giác trông chờ được trở về thăm chốn cũ và gặp lại gia đình người em gái. Chúng tôi không chọn cách đi bằng đường đèo như trước đây, để có thể “vén mây giữa trời” và cảm nhận nét huyền ảo của Hải Vân, một bên là vực sâu biển rộng và bên kia là mây trời vắt ngang sườn núi, hoặc như một thi sĩ nào đó nói về ngọn núi Hải Vân: “chớp vương mây trời, chân dầm nước biển”. Lần này, chúng tôi không chọn đường đèo Hải Vân, mà mua vé tàu đi sẵn để thử một trải nghiệm mới. Đã nghe nhiều, đọc nhiều trước khi về Việt Nam, chúng tôi cũng muốn xem ý nghĩa nào trong hai từ “di sản” trên chuyến tàu này. Và quả thực, chúng tôi không thất vọng.

Toa tàu tuy đã cũ, nhưng được tân trang khá tươm tất, chỗ ngồi rộng rãi, du khách có thể thoải mái thưởng thức chuyến đi hơn ba tiếng đồng hồ với tốc độ trung bình 50 cây số giờ. Hành khách có thể thoải mái đọc sách, hoặc lim dim ngủ, hoặc giản dị ngắm rừng ngắm biển bên cửa sổ và thả hồn vào thơ. Dù trời hôm đó hơi âm u, nhưng chúng tôi vẫn cảm nhận được nét huyền ảo của thiên nhiên, bên trái là núi cao, bên phải là vực sâu dựng đứng, và dưới cùng là biển rộng kéo tầm mắt xa tới tận chân trời. Một vẻ đẹp hoang sơ của thiên nhiên làm quà tặng cho khách lãng du.

Chúng tôi lững thững đi dọc con tàu, và thần thờ ngạc nhiên bắt gặp một toa tàu được trang hoàng long lanh, nơi làm sân khấu cho một ban nhạc sống, với các nghệ sĩ khoác y phục cổ truyền, với nhạc cụ cung đình, đang trình diễn những bài dân ca miền Trung, và những bài Nam Bình, Nam Ai mang đậm chất Ca Huế.



Chúng tôi ngồi dựa lưng ở toa tàu bên trái, mắt lim dim mơ màng nhìn sóng biển qua cửa sổ, và thưởng thức những bài Ca Huế đậm đà hương vị dân tộc. Nhóm nghệ sĩ này xem ra có kỹ năng rất cao về âm nhạc cổ truyền, sử dụng điều luyện nhiều nhạc cụ khác nhau tùy theo âm điệu bài ca. Khi hát Lưu Thủy, Kim Tiền tươi vui thì đệm với đàn tranh; lúc ngân nga điệu Nam Bình, Nam Ai buồn man mác thì hát cùng với đàn bầu, đàn gáo; hoặc đôi lúc hò dân gian Mái Nhì, Mái Đầy mang âm hưởng nhẹ nhàng nội tâm thì nhiều nhạc cụ cùng hòa âm với cách phối khí khác nhau tùy theo câu hát. Đôi lúc chuyển qua tân nhạc để đổi không khí, thì tiếng kèn Saxophone buồn man mác cất lên, đệm theo một bài tình ca về Huế: “Đã bao lâu rồi không về miền Trung thăm người em”. Hóa ra, chuyến tàu mang tên *tàu di sản* chính là đây. Nhóm nghệ sĩ trẻ đang biểu diễn nhạc cổ truyền này chính là linh hồn của tàu di sản.

Chúng tôi thầm khen công ty đường sắt, những người có sáng kiến tổ chức tàu di sản độc đáo, hấp dẫn du khách, nhất là du khách ngoại quốc khao khát tìm “món ngon của lạ”. Nó không chỉ là trang trí nội thất các toa tàu, mà họ sử dụng một chuyến đi không dài không ngắn, trên một cung đường có thể tạo nên cảm giác đơn điệu cho hành khách, họ tạo nên một không gian đặc biệt để giới thiệu một di sản văn hóa đặc sắc của miền Trung, đó là nhã nhạc cung đình, Ca Huế và các điệu hò dân gian vốn đã được “bác học hóa” để làm giàu thêm cho kho tàng Ca Huế, những di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận. Nhưng chúng tôi không khỏi băn khoăn tự hỏi, với lượng khách ít ỏi của chuyến tàu, không biết công ty đường sắt có thể trả tiền tương xứng cho ban nhạc cổ truyền này hay không? Những nghệ sĩ này, với trình độ nghệ thuật rất điêu luyện, xứng đáng để hưởng một chế độ thu nhập hào phóng, để có thể chuyên tâm trau dồi nghệ thuật, phục vụ một vai trò cao cả là bảo tồn và quảng bá di sản văn hóa đáng ngưỡng mộ. Mong lắm thay!

Khi tàu qua khỏi Phú Bài và bắt đầu đi vào địa phận Huế, tôi chợt nhớ mang máng hai câu thơ của Thu Bồn:

*Xin chào Huế một lần anh đến,
Để ngàn lần anh nhớ trong mơ.*

Chắc hẳn Thu Bồn không cường điệu chút nào. Huế là kinh đô triều Nguyễn, nơi suốt bốn mùa, tao nhân mặc khách đến để thi thố tài năng về cầm kỳ thi họa. Gần đây hơn, nhiều nhạc sĩ tài danh đã để lại những bài ca vượt thời gian như Đêm Tàn Bến Ngự, Ai Về Sông Tương... Không ít người đã ngẩn ngơ trước vẻ đẹp dịu dàng của tà áo tím, nón bài thơ e ấp, tóc thề ngang vai của con gái Huế. Chẳng thế mà nhạc sĩ Hoàng Nguyên, chỉ vì “*một chiều lang thang bên dòng Hương Giang, tôi gặp một tà áo tím...*” mà đã để lòng thổn thức, dừng bước giang hồ để viết nên bài tình ca *Tà Áo Tím* bất hủ, bài tình ca hay nhất của Hoàng Nguyên, và cũng là một trong những bài tình ca thượng đẳng của lâu đài nhạc tình Việt Nam trong thế kỷ 20. ([Xin mời nghe Tà Áo Tím với ca sĩ Vân Khánh ở đây](#))

Con đường từ Phú Bài về Huế đầy ắp nhà cửa hai bên đường. Những thửa ruộng trước đây còn là vùng “*đất cày lên sỏi đá*”, bây giờ đã được thay bằng hàng quán, văn phòng, nhà thuốc tây, biểu tượng của nếp sống trung lưu. Vùng đất Hương Thủy này đã giàu lên thấy rõ, nhưng tôi vẫn thấy chạnh lòng khi nhìn thấy khá nhiều chòi tranh vách đất nằm xen kẽ với những căn nhà gạch ngói khang trang. Ở đâu cũng thấy nhiều phận đời đen bạc, chưa vươn lên tới mức sống tối thiểu cần thiết để ngẩng mặt nhìn trời. Bao giờ mới được thấy “*quê miền Trung thôi kiếp điêu tàn*”? Suốt thời gian du học, với ảnh hưởng của bạn bè sinh viên phản chiến Đức, tôi vẫn luôn mơ ước một xã hội bình đẳng, không có ai phải sống cuộc đời lam than dưới đáy xã hội. Giờ đây, chiến tranh đã chấm dứt 50 năm rồi, có mấy triệu người đã ngã xuống vì giấc mơ đẹp đẽ như thế. Nhưng xem ra giấc mơ xã hội ấy khó trở thành hiện thực nữa rồi. Mấy ai quan tâm đến nó nữa? Trong lúc vẫn còn quá nhiều phận đời phải bươn chải để sinh tồn với thu nhập chưa tới 100\$ mỗi tháng!

Tàu đi vào ga An Cựu, rồi chạy dọc nhánh sông con, để cuối cùng đỗ lại ở Ga Huế lúc trời vừa nhá nhem tối. Vẫn nhà ga nhỏ hẹp đó, vẫn màu vôi tường đồ quạch đó, sau cả 50 năm vẫn không hề thay đổi. Có vẻ như giao thông đường sắt không được ưa chuộng ở Việt Nam thì phải. Đón chúng tôi ở sân ga là gia đình em gái. Tôi ôm cả gia đình vào vòng tay, mừng mừng tủi tủi, không nói nên lời. Đường như tóc em đã mọc nhiều sợi bạc, và tay em đã hơi run. Mà cũng phải, trên 70 tuổi rồi chứ còn trẻ trung gì nữa, nhưng chúng tôi mừng là mọi người vẫn còn tráng kiện, tinh thần minh mẫn, lại thêm có cô gái út được chuyển công việc ra Huế. Thật mừng cho cả gia đình, ba mẹ con em, cả gia đình có thể sum họp quây quần với nhau, mỗi ngày thấy mặt nhau, ăn chung nhau ba bữa cơm, thế đã là hạnh phúc hơn nhiều người khác lắm rồi, khi gia đình sống phân tán khắp nơi.



Chúng tôi dành trọn buổi tối hôm đó và ngày hôm sau để ở nhà thư giãn, chuyện trò với gia đình em gái. Đôi khi hạnh phúc chỉ giản đơn là nhìn thấy nhau, nghe giọng nói quen thuộc của nhau, chia nhau uống một bình trà sen, và nói với nhau những chuyện không đầu không đuôi. Tôi ra vườn rau phía sau để xem công trình trồng trọt của chú em rể, nhưng bây giờ nó trông trơn, dấu hiệu của các trận lụt tiếp nhau quét qua thành phố Huế. “*Trời hành cơn lụt mỗi năm*”, câu hát của Phạm Đình Chương sao mà đúng đến nao lòng. Mà năm này, không chỉ là một mà bốn trận lụt kế tiếp nhau trong vòng mấy tuần, dọn lũ lụt này chưa xong thì trận lũ kế tiếp đã ập tới. Tội nghiệp Huế. Tội nghiệp em tôi.

Chúng tôi dự tính ở Huế vài ngày, thăm lại trường xưa, thăm bạn bè ngày còn trẻ. Nhân tiện lần này vì vợ chồng chúng tôi đi chung lần đầu về Huế, cho nên chương trình chính vẫn là thăm Hoàng Thành, thăm đền đài lăng tẩm, nơi đã ghi đậm dấu ấn của những ngày thiếu niên êm đềm của tôi hơn nửa thế kỷ trước. Tôi về đây với tấm lòng hoài niệm băng khuâng như Bà Huyện Thanh Quan khi về thăm Thăng Long: “*Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo, nền cũ lầu đài bóng tịch dương*”. Chương trình du ngoạn thì đã có cô cháu gái lo hết mọi thứ, ngày nào đi đâu, xe cộ thế nào, chọn lựa ai làm hướng dẫn viên, ăn trưa ở đâu, buổi tối buổi sáng thì ăn gì v.v... Mọi thứ đã có cô cháu út lo lắng chu tất, cậu mợ chỉ tuân lệnh lên đường và hưởng thụ những ngày hạnh phúc êm ả với gia đình trong thành phố của núi Ngự sông Hương.

Bởi vì Huế đẹp, nên nhiều văn nhân, thi sĩ, nhạc sĩ viết về Huế là lẽ thường. Nhưng đối với tôi, Huế vốn là một tuyệt tác nghệ thuật, cho nên nếu muốn viết thêm về Huế đẹp, Huế thơ, thì e rằng hơi khó, quả là lực bất tòng tâm. Vậy cho nên, bên cạnh vài nét chấm phá của mấy ngày du ngoạn, tôi sẽ cố ghi lại đây những điều đã ăn sâu vào tiềm thức, nhất là những ký ức của 18 năm từ lúc chào đời cho đến lúc rời Huế, vô tình khởi đầu một chặng đường tha hương kéo dài hơn nửa thế kỷ. Nếu đây đó có sự trộn lẫn giữa thực và ảo, giữa ký ức và hiện tại, thì cũng mong độc giả xem đó là chuyện thường tình, vì quả thực, khi viết về Huế, tôi khó lòng phân định giữa cái gì là ảo, cái gì là thực.

Thăm Hoàng Thành

Hôm đầu tiên, chúng tôi đi thăm Hoàng Thành, Chùa Linh Mụ và thăm nơi an nghỉ của cháu gái. Bắt đầu với Hoàng Thành là một chọn lựa vô cùng lý tưởng. Công trình quy mô lộng lẫy này không chỉ là ký ức của lịch sử triều Nguyễn, mà còn là một quần thể kiến trúc nghệ thuật vĩ đại có một không hai của Việt Nam, trong suốt cả chiều dài lịch sử 4000 năm. Hoàng Thành không chỉ nổi bật về kiến trúc đậm đà dân tộc, mà về cảnh quang tổng thể, nó còn là một tác phẩm nghệ thuật hoàn chỉnh và hài hòa về phong thủy. Các công trình kiến trúc của Hoàng Thành được bố trí cẩn thận trong tâm thái *cùng sống với thiên nhiên* của khu vực, và được sắp xếp theo nguyên tắc vũ trụ học, Ngũ Hành (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ) và Ngũ Sắc (vàng, trắng, xanh, đen, đỏ).

Mỗi công trình kiến trúc chính đều được bao bọc bởi những vật thể phụ chung quanh, luôn luôn được sắp xếp đối xứng theo một tinh thần nhất quán, là *tả văn hữu võ* (bên trái quan văn, bên phải quan võ), cũng như *tả nam hữu nữ* (đàn ông bên trái, phụ nữ bên phải). Trục chính của Hoàng Thành hướng đến Ngọ Môn Quan, cột cờ, Phú Văn Lâu, Đàn Nam Giao, đỉnh núi Ngự Bình, những địa danh đã khắc ghi vào ký ức người Huế qua nhiều thế hệ. Bao bọc bên ngoài Hoàng Thành là vòng hào rộng, đi kèm với những khoảng đất trống làm phương tiện phòng thủ khi có chiến tranh. Với vẻ đẹp cổ kính, trầm mặc trong một quần thể rộng lớn, chứa hàng trăm công trình kiến trúc độc đáo vốn đã gắn liền với thăng trầm lịch sử, Hoàng Thành đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho biết bao tao nhân mặc khách.

Chúng tôi may mắn có anh hướng dẫn viên rất xuất sắc, không những có khả năng diễn đạt lôi cuốn, mà còn có một kho kiến thức lịch sử uyên thâm, đúc kết từ những tư liệu lịch sử chính thống, cộng thêm những kiến thức tự tìm hiểu thêm. Ngoài ra, anh hướng dẫn viên này có một đời sống tâm linh rất đáng chú ý: Trong một quần thể nào đó, anh tránh không nói đến những điều cấm kỵ mang tính huyền bí. Nhưng anh sẵn sàng cất nghĩa điều đó một cách ngọn ngành, sau khi đã rời khỏi không gian của quần thể đó. Tôi không thể phân tích thái độ đó xuất phát từ đâu, nhưng điều mà tôi cảm nhận rõ ràng nhất là ý thức yêu nghề và sự gắn bó mật thiết giữa cá nhân anh và các công trình lịch sử. Có lẽ đối với anh, cất nghĩa một chi tiết lịch sử không chỉ có nghĩa là truyền đạt kiến thức cho người nghe, mà anh được đắm mình trong dòng lịch sử, mỗi lần mỗi khác, mỗi nhóm du khách theo mỗi cách.



Cửa Ngọ Môn (mặt sau) & Điện Thái Hòa

Đầu tiên chúng tôi được dẫn lên Ngọ Môn Quan. Nơi đây trong những buổi trưa hè oi bức cách đây 60 năm, tôi thường cùng bạn học rủ nhau mang sách vở lên cùng nhau học bài ở tầng lầu, và tận hưởng vị mát lạnh của nền đá cẩm thạch. Còn ngoài ra, đó là một khu vực vắng vẻ, không có gì để xem. Giờ đây, các di vật lịch sử đã được phục chế và mang trở lại vị trí của chúng. Và thật không ngờ, Ngọ Môn Quan có nhiều sự tích liên quan với một chiều sâu lịch sử đáng trân trọng, mà người địa phương nên biết. Hóa ra, kiến trúc lịch sử của chúng tôi thờ đó còn nông cạn quá, không hề biết chiều sâu tinh thần còn ẩn dấu đằng sau các công trình mà mình tiếp xúc hàng ngày.

Điện Thái Hòa cũng thế, thờ đó là một tòa nhà cũ kỹ nhuộm màu rêu phong, suốt ngày cửa đóng then cài. May mắn lắm mới có ông quản gia đi ngang qua, và nếu ông đang có gì vui trong lòng, thì chúng tôi mới được mở cửa để vào xem vài phút, nhưng cũng chỉ xem cho vui, chứ không khám phá gì thêm ngoài một vài vật thể không có giá trị gì và những cột kèo đã tróc sơn. Giờ đây, mọi thứ đã được phục chế trở về trạng thái ban đầu. Chúng tôi quá ngạc nhiên về sự tráng lệ của nó và cảm nhận đến ngờ ngàng thần thái nghiêm trang của những buổi thiết triều để nhà vua bàn luận việc nước. Chúng tôi được cất nghĩa cung cách hoạt động của những buổi thiết triều, quan văn quan võ đứng ở đâu và thế nào là quan nhất phẩm đến quan cửu phẩm. Cảm ơn anh hướng dẫn viên. Không có anh thì chúng tôi đi tham quan cả ngày cũng giống như người mù sờ voi, không học hỏi thêm được gì.

Chúng tôi được hướng dẫn để tham quan các cơ quan sâu hơn bên trong, nơi nhà vua làm việc, nơi các bà Hoàng hậu sinh sống; rồi vào thăm đền miếu nơi thờ các vị vua đã băng hà. Và cuối cùng là Điện Kiến Trung, quần thể nguy nga và quan trọng bậc nhất của Tử Cấm Thành. Cái tên Tử Cấm Thành cũng nói lên tính chất của nó. Đây là nơi nội bất xuất, ngoại bất nhập, không ra không vào. Trừ nhà vua và vài nhân vật quan trọng, tất cả mọi người, khi đã vào trong Tử Cấm Thành là chôn chân trong đó. Cung tần mỹ nữ thì suốt đời ở đó, nếu may mắn sẽ được “hưu trí” và xuất cung ở tuổi khoảng 40. Tôi băng khuông tự hỏi, làm sao trong một diện tích đất chật hẹp chỉ trên dưới 10 hecta, diện tích nhà để ăn, ngủ, sinh hoạt, làm việc còn nhỏ hẹp hơn nhiều, mà phải chứa cả ngàn con người, đại đa số là thiếu nữ còn trinh, tranh giành nhau một ân huệ là được nhà vua để mắt đến. Trong bối cảnh đó thì quan hệ giữa cung nữ với nhau phức tạp đến dường nào. Ghen tuông đố kỵ là chuyện tất yếu. Anh hướng dẫn nói nhỏ rằng, phiền phức lắm bác ạ. Ngoài ra không nói gì thêm. Tôi cũng ái ngại không hỏi gì nhiều.

Đã vào xem Tử Cấm Thành, ắt cũng nên biết đời sống của cung tần mỹ nữ. Họ là ai trước khi bước chân vào cung? Đó là những thiếu nữ trẻ chưa chồng, con gái của quan chức có vai vế khá lớn trong triều đình. Cha mẹ tìm cách đưa con gái tiến cung với một hy vọng lớn nhất, là được nhà vua sủng ái, để cho cả gia tộc được đổi đời. Đó là một ván bài đánh cược với độ rủi ro cực cao. Đem con gái ra đặt cược cho một viễn ảnh dường như không thể trở thành hiện thực. Ôi, oan nghiệt thay số phận của người phụ nữ trong chế độ phong kiến! Kể từ ngày bước chân vào cung cấm, cung tần mỹ nữ xem như tách hẳn đời sống bên ngoài, gia đình thăm viếng cũng rất hạn chế. Trong suốt cuộc đời và nếu may mắn, cung phi chỉ được tiếp xúc với một người đàn ông duy nhất, đó là vua. Và nếu cái may mắn duy nhất đó không đến, thì cuộc đời cung nữ không khác gì bị giam lỏng, không nhớ quá khứ, không thấy tương lai, không một lần được ân ái trong suốt cuộc đời con gái. Sự oan nghiệt này đã làm cho nhà thơ nổi tiếng Nguyễn Gia Thiều vào thế kỷ 18, tức Ôn Như Hầu, phải lên tiếng tố cáo sự bất công, nỗi buồn và sự cô đơn của những người phụ nữ này trong tác phẩm “*Cung Oán Ngâm Khúc*”, tạm dịch là “*nỗi ai oán trong cung đình*”.



Điện Kiến Trung & Hành lang Tử Cấm Thành

Chùa Thiên Mụ

Chúng tôi rời Hoàng Thành để lên đường tham quan chùa Thiên Mụ. Xe đi ngang qua Phú Văn Lâu, anh hướng dẫn viên hỏi tôi: “*Bác còn nhớ Phú Văn Lâu không*”? Nhớ chứ, không những nhớ mà nó còn ghi đậm dấu ấn trong ký ức tôi không hề phai, dù vết thời gian đã trải qua hơn nửa thế kỷ. Bên kia đường là bến Thương Bạc, nơi chiều chiều cuối tuần tôi thường cùng bạn bè đến tắm sông. Nói tới Phú Văn Lâu chắc hẳn phải nói đến Bến Văn Lâu, một bến nước đã đi vào văn học bằng những câu ca buồn náo ruột theo điệu Nam Ai, một đặc trưng của Ca Huế không nơi nào có:

*Chiều chiều trước bến Vân Lâu
Ai ngồi ai câu, ai sầu ai thảm
Ai thương ai cảm, ai nhớ ai trông
Thuyền ai thấp thoáng trên sông
Đưa câu Mái Đáy chạnh lòng nước non*

Vừa ở trong Tử Cấm Thành đi ra, nơi chắt chứa oan khuất của nhiều phận đời cung nữ, làm liên tưởng đến bài Nam Ai náo nùng ấy, lòng tôi không khỏi ngậm ngùi tự hỏi, có phải ba câu đầu là tâm sự ai oán của cung tần mỹ nữ, nói lên tiếng lòng không đầu không kết, không nhớ quá khứ, không còn hy vọng ở tương lai? Còn hai câu sau, có phải là tâm sự của ai đó, dường như là chí sĩ Trần Cao Vân, đang chống thuyền đợi người tri âm đến để bàn luận chuyện tìm đường cứu nước? Ấy là cảm xúc nhất thời đầy cảm tính, chứ tôi không biết tác giả bài Nam Ai này gởi gắm tâm sự gì đằng sau câu chữ ấy. Nếu cảm xúc có sai, thì cũng xin các bạn xem đó chỉ là cảm xúc gợi nhớ ký ức mà thôi.

Xe đi dọc tả ngạn sông Hương lên hướng Kim Long. Nửa thế kỷ trước, đây còn là một vùng hoang sơ, dân cư thưa thớt, đường sá gập ghềnh. Nay con đường đó đã trở thành trục giao thông quan trọng, những bãi lao sây hoang sơ bên bờ sông đã biến mất, thay vào đó là một quần thể công viên dài vài cây số, nơi nam thanh nữ tú thường đến hẹn hò, nơi mọi người già trẻ đến tập thể thao mỗi ngày. Kim Long đã trở thành nơi đáng sống vô cùng. Cuối khu vực Kim Long là Chùa Thiên Mụ tọa lạc trên một đồi đất cao.

*Gió đưa cành trúc la đà,
Hồi chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.*

Với lịch sử hơn 400 năm, chùa Thiên Mụ không chỉ là một điểm đến tâm linh mà còn là biểu tượng văn hóa, kiến trúc độc đáo của cố đô. Đến Huế mà không được thăm chùa Thiên Mụ, chắc hẳn du khách sẽ vô cùng buồn rầu nuối tiếc. Đó là một quần thể có phong cảnh hữu tình, có đồi thông, có sông nước lượn quanh, tạo thành một cảnh quan hiếm có, nơi dừng chân để du khách thư giãn, chụp hình, hưởng thụ sự bình yên của thiên nhiên và chiêm ngưỡng chiều sâu lịch sử với kiến trúc độc đáo trong một quần thể mang đậm nét tâm linh.

Nổi bật trong quần thể chùa Thiên Mụ là tháp Phước Duyên bảy tầng với chiều cao 21 mét, với kiến trúc có một không hai trong thế kỷ 19, và đã trở thành kiến trúc kiểu mẫu cho những nơi thờ Xá lợi Phật. Tiếc là để bảo tồn di tích cổ, du khách không được vào bên trong để chiêm bái các đức Phật khác nhau, mỗi tầng một vị. Vả chăng, việc giữ gìn sự tôn nghiêm và tĩnh lặng cho nơi thờ tự cũng là chuyện nên làm. Du khách nào có thì giờ, thì có thể tìm hiểu lịch sử ngôi chùa qua những bia đá đặt khắp nơi.

Bên cạnh tháp Phước Duyên còn có Điện Đại Hùng, có cổng Tam Quan, mỗi nơi đều lưu giữ những di vật lịch sử đáng quý. Ở phía sau cùng là mộ tháp của Hòa Thượng Thích Đôn Hậu, vốn đã trụ trì lâu năm ở chùa Thiên Mụ và là một vị chân tu đức cao trọng vọng mà mọi người ai cũng ngưỡng mộ.

Một di vật nổi tiếng trong chùa Thiên Mụ là chiếc xe hơi đã đưa Hòa Thượng Thích Quảng Đức đến chỗ tự thiêu trong phong trào Phật Giáo năm 1963. Nhìn di vật đó, lòng tôi không khỏi bồi ngùi nghĩ về những ngày tuổi trẻ hào hùng thuở ấy. Đó là một buổi sáng tháng sáu năm 1963, chúng tôi vài ba đứa đang ngồi trong quán nước ở sân sau trường Quốc Học, bỗng nhiên tin tức về Thích Quảng Đức tự thiêu đến như một cơn bão. Chúng tôi gạt phăng các chiếc ghế nhựa, chạy ra nhà xe và đèo nhau lên chùa Từ Đàm, nơi đã có hàng trăm sinh viên, học sinh, Phật tử tề tựu để dõi theo tình hình. Nơi đó, chúng tôi cũng kịp nghe tin bà Trần Lệ Xuân đã họp báo và nói về „hành động tự thiêu của Thích Quảng Đức chỉ là một buổi Barbeque [*] không có tác dụng chính trị gì“.

Lời nói xúc phạm tôn giáo đó đã châm thêm dầu cho phong trào Phật Giáo. Hòa Thượng Thích Quảng Đức đã thay đổi cục diện của phong trào; hình ảnh tự thiêu của Hòa Thượng đã thay đổi cách nhìn của thế giới về chính sách đàn áp tôn giáo, đã làm cho nhiều đồng minh, kể cả Mỹ quay lưng với chế độ Ngô Đình Diệm. Bà Nhu không đoán được rằng, ngày tàn của chế độ đã bắt đầu điểm. Và quả thực, chỉ năm tháng sau, chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ hoàn toàn. Thật đáng tiếc, chế độ với những thành quả to lớn của 7 năm cầm quyền, đã sụp đổ vì chính sách kỳ thị tôn giáo của chính mình.



Tháp Pháp Duyên & Mộ tháp Hòa Thượng Thích Đôn Hậu

Bên cổng chùa, đứng trên cao nhìn xuống bên bờ dưới hơn 50 bậc cấp, tôi chợt nhớ một truyền thuyết liên quan đến vùng đất Kim Long của chùa Thiên Mụ. Có lẽ chỉ là một hư cấu lịch sử, nhưng nó đã đi vào văn học với nhiều ẩn ý sâu xa.

*Kim Long có gái mỹ miều
Trăm yêu, trăm nhớ, trăm liều, trăm đi.*

Đó là hai câu thơ nói về Vua Thành Thái, một vị vua trẻ, đẹp trai, có tinh thần cởi mở, cầu tiến, và có nếp sống phong lưu hào hoa. Bị lôi cuốn bởi phong cảnh hữu tình của vùng sông nước Hương Giang, nhà vua cải trang thành một người du khách trẻ để ngao du vùng Kim Long. Lúc trở về, nhà vua phải đi dò, được chào đón bởi một cô gái vô cùng duyên dáng. Nhà vua xao xuyến vì dáng vẻ rụt rè và đôi má ửng hồng của cô lái đò. Nhà vua bắt đầu tán tỉnh: “*Này cô gái, cô có muốn cưới hoàng đế không?*”? Cô gái sợ hãi xua tay trả lời: “*Ông đừng đùa như rửa, coi chừng cả hai đều bị chém đầu như chơi*”. Nhà vua chưa buông tha: “*Ta không đùa mô. Nếu cô ưng, ta sẽ làm mai mối chuyện này*”. Cô lái đò then thùng, đôi má càng ửng hồng hơn, cô đưa tay áo che mặt cười khúc khích, và không dấu một nụ cười băng quơ, như thể đang xây một giấc mơ chưa thành sự thật. Trên đò có một vị khách lớn tuổi ăn mặc bánh bao với dáng phong lưu nho nhã. Ông cười, nói với cô lái đò: “*Này cô gái, cô cứ nói ưng đi, rồi xem câu chuyện xoay vần về mô*”. Cô gái then thùng nhìn người khách trẻ, cười khúc khích và buông một câu ngắn ngủi: “*Ừng đó*”. Vua Thành Thái bèn đứng dậy, đến bên cô gái đò và nói dịu dàng: “*Quý phi của trăm nghĩ ngơi đi, để trăm chèo tiếp cho*”.

Và như thế, kể từ ngày hôm đó, cô lái đò trở thành cung phi một cách ngẫu nhiên. Một phút đùa vui bỗng nhiên được lên mây. Trở thành quý phi của nhà vua là giấc mơ khó thành của bao cô gái danh gia vọng tộc đương thời. Cuộc đời cô lái đò đã thăng hoa rồi chăng? Không nghe sử sách nói gì về một cung phi của Vua Thành Thái có gốc gác lái đò, cho nên người đời sau phỏng đoán rằng, sau vài ngày vui chơi, ân ái thỏa thích, nhà vua trả cô lái đò về Tử Cấm Thành, cô trở thành một cung nữ bình thường như bao cung nữ khác. Từ giấc mơ hưng phấn được trở thành quý phi, đã trở thành một ác mộng ám ảnh suốt cuộc đời con gái, buồn thảm, cô độc trong cung cấm. Có phải đây là bản án chung thân cho số phận cô lái đò? Tất cả bắt đầu bằng vài lời đùa cợt của một người quyền uy đứng trên trăm họ!

Chúng tôi trở về nhà lúc trời nhá nhem tối, một ngày du ngoạn với nhiều kỷ ức tuổi thơ. Chúng tôi đứng trước nhà, lòng vẫn còn vương vấn Hoàng Thành như còn nhớ mang máng vài câu thơ của ai đó:

*Thành quách uy nghi dưới nắng vàng,
Ngọ Môn rực rỡ nét đài trang.
Lầu cao soi bóng dòng Hương biếc,
Điện ngọc trầm ngâm dấu cũ loang.*

./.

Ghi chú: [*]Barbequeu là chữ mà bà Trần Lệ Xuân dùng trong buổi họp báo. Barbequeu (BBQ) có nghĩa là buổi nướng thịt ngoài trời để vui chơi.

Tôn Thất Thông & Hoàng Lan Anh
Bad Nauheim, tháng giêng năm 2026
(Còn tiếp: Huế-2, Hà Nội, Ninh Bình, Phú Quốc)

Xem các bài trước:

[Về thăm quê hương \(1\) – Saigon, hoa và lễ](#)

[Về thăm quê hương \(2\) – Hội An phố chợ đông người](#)